

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 324/2022/DS-PT

Ngày: 16-11-2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng
đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Thẩm phán: 1. Bà Huỳnh Thị Hồng Vân.

2. Ông Trần Tấn Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung – Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 và ngày 16 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 336/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 52/2022/DS-ST ngày 09-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 344/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phùng Thị Ngọc A, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khu phố Đồng An 2, phường X, thị xã Y, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ tạm trú: Ấp 8, xã L, huyện M, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn Cường, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 84 Lê Hữu Nghĩa, Phường O, thành phố Ô, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Huỳnh Công B, sinh năm 1966.

2.2. Bà Trần Thị Phương C, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Số nhà 114/1, ấp 1, xã L, huyện M, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Bá Thành, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số 47/2 Trần Bình Trọng, Phường V, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đỗ Thị Hồng D, sinh năm 1977.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Ông Đặng Tấn E, sinh năm 1972.

3.2. Ông Đặng Tấn E, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Số 576/141I, đường Đoàn Văn Bơ, Phường W, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Ông Huỳnh Công B, bà Trần Thị Phương C, bà Đỗ Thị Hồng D và ông Đặng Tấn E.

(Ông Cường, ông Thành, ông B, bà C, bà D, ông E có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 9 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Kim Hoa là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 20 tháng 5 năm 2020, bà A có cho ông B và bà C vay số tiền 700.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng. Sau khi vay tiền, bà C chỉ trả cho bà A 01 tháng tiền lãi được 7.000.000 đồng, sau đó không trả nữa, bà A đã đòi nhiều lần nhưng ông B và bà C không trả tiền theo thỏa thuận. Nay bà A yêu cầu ông B và bà C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà A số tiền vay là 700.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho bà A, phía bà A đã yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” đối với thửa đất số 435, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.734,2m², tọa lạc tại xã L do ông Huỳnh Công B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 03/12/2020 Tòa án huyện M đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2020/QĐ-BPKCTT “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” đối với thửa đất số 435, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.734,2m².

Đối với yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị Hồng D: Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà D vì sau khi bà A nộp đơn khởi kiện ông B và bà C đối với số tiền vay 700.000.000 đồng, Tòa án đã thụ lý vụ án thì phía ông B và bà C cố tình tẩu tán tài sản để không trả nợ cho bà A nên ngày 26/11/2020 tại Văn phòng công chứng Võ Minh Thiện, ông B và bà C đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 465, tờ bản đồ số 16, diện tích 373,4m² và thửa đất số 435, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.734,2m², tọa lạc tại xã L cho bà Đỗ Thị Hồng D. Để đảm bảo quyền lợi cho bà A, bà yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà D và ông B, bà C đối với thửa đất 435 là vô hiệu.

Ông Huỳnh Công B và bà Trần Thị Phương C là bị đơn trình bày:

Vào năm 2019 bà C có vay tiền của bà A số tiền 170.000.000 đồng, nhưng bà A chỉ đưa cho bà C 135.000.000 đồng (trừ trước 35.000.000 đồng tiền lãi), khi vay lãi suất 20% - 30%/tháng, mục đích ông bà vay tiền là để làm ăn. Sau khi vay tiền, bà C đã trả lãi cho bà A rất nhiều nhưng không nhớ bao nhiêu và không có chứng cứ gì chứng minh.

Sau đó ông bà không có khả năng trả tiền lãi và tiền gốc cho bà A nữa, bà A có gặp ông bà yêu cầu viết dùm giấy nợ số tiền 700.000.000 đồng để tạo niềm tin cho người em của bà A mua đất của ông bà, bà A nói lấy giấy nợ gửi cho người khác để người ta nhận thế chấp quyền sử dụng đất của ông bà để trả tiền cho bà A, chữ ký tên và họ tên trong giấy nợ 700.000.000 đồng là do ông bà viết, bà A không có đưa cho ông bà số tiền này. Việc bà A cho rằng bị đơn có trả một tháng tiền lãi 7.000.000 đồng là không có sự thật.

Ông bà không có nhận của bà A số tiền 700.000.000 đồng. Ông bà đồng ý trả cho bà A số tiền vay là 170.000.000 đồng nhưng hiện nay ông bà không có khả năng trả một lần, khi nào đi làm có tiền ông bà sẽ trả cho bà A số tiền 170.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị Hồng D: Ông bà thống nhất lời trình bày của bà D và ông E, ông bà thừa nhận có vay của bà D và ông E số tiền 830.000.000 đồng. Ông bà đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 10799, quyền số 06 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Võ Minh Thiên ký ngày 26/11/2020 đối với tài sản chuyển nhượng là thửa đất số 435, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.734,2m², tọa lạc tại xã L cho bà D. Trường hợp Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu, thì ông bà đồng ý trả lại cho bà D số tiền 800.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài tài sản này ra, ông bà không còn tài sản nào khác. Hiện nay ông bà vẫn đang quản lý, sử dụng thửa đất 435.

Ông Trần Bá Thành là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (đối với hợp đồng vay tài sản) trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của ông B, bà C. Vào ngày 08/5/2020 ông B, bà C đã vay của bà D số tiền 600.000.000 đồng và hai bên có ký hợp đồng thế chấp đối với thửa đất 435 và 465, thời điểm này ông B, bà C đã có tiền nên ngày 20/5/2020 sẽ không có nhu cầu vay bà A số tiền lớn như vậy. Trước đó chỉ có vay của bà A 170.000.000 đồng để đầu tư trồng thanh long và chi tiêu cho gia đình.

Nay trước yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền 170.000.000 đồng, nhưng hiện nay bị đơn không có khả năng trả nợ, khi nào đi làm có tiền ông B, bà C sẽ trả cho bà A số tiền 170.000.000 đồng.

Bà Đỗ Thị Hồng D và ông Đặng Tấn E trình bày:

Vào khoảng tháng 3, 4 năm 2020 thông qua người quen nên ông bà biết ông B và bà C đang gặp khó khăn nợ Ngân hàng 350.000.000 đồng nhưng không có khả năng trả nợ để đáo hạn Ngân hàng. Đến ngày 8/5/2020, ông B và bà C có gặp ông bà để vay số tiền 500.000.000 đồng, ông bà đã đưa cho ông B và bà C số tiền 350.000.000 đồng để trả cho ngân hàng HDBank, cùng ngày ông bà đưa thêm cho ông B và bà C số tiền 150.000.000 đồng. Ngày 15/5/2020, bà C năn nỉ

vay thêm 100.000.000 đồng, ông bà tiếp tục đưa ông B và bà C số tiền 100.000.000 đồng, tổng cộng 600.000.000 đồng.

Cùng ngày 08/5/2022, ông B và bà C có ký hợp đồng thế chấp tài sản đối với tài sản là thửa đất số 465, tờ bản đồ số 16, diện tích 373,4m² và thửa đất số 435, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.734,2m², tọa lạc tại xã L do ông Huỳnh Công B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại văn phòng công chứng Lê Văn Hữu để đảm bảo cho khoản vay 600.000.000 đồng, ông bà có liên hệ đăng ký biện pháp bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện M nhưng không đăng ký biện pháp bảo đảm được, lý do cá nhân không được nhận thế chấp tài sản của người khác. Khi cho vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay từ ngày 8/5/2020 đến 18/11/2020 (6,5 tháng). Tuy nhiên sau khi vay tiền, ông B và bà C không trả tiền lãi cho ông bà, ông bà đồng ý giảm lãi còn 1%/tháng nhưng ông B và bà C vẫn không có khả năng trả, sau đó ông B và bà C đề nghị chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất đã thế chấp cho ông bà với giá 900.000.000 đồng, ông bà đồng ý mua với giá 850.000.000 đồng.

Ngày 18/11/2020, hai bên tính tiền lãi số tiền vay 600.000.000 đồng từ ngày 8/5/2020 đến ngày 18/11/2020 với số tiền 39.000.000 đồng, ông bà đưa thêm cho ông B, bà C 19.500.000 đồng, tổng cộng 658.500.000 đồng, hai bên đã viết giấy tay chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa 435 và 465. Ngày 26/11/2020, tại Văn phòng công chứng Võ Minh Thiện, hai bên đã hủy bỏ hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, ông B và bà C đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 465, tờ bản đồ số 16, diện tích 373,4m² và thửa đất số 435, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.734,2m², tọa lạc tại xã L cho bà Đỗ Thị Hồng D. Đến ngày 28/11/2020, ông bà đưa cho ông B, bà C số tiền 141.500.000 đồng, ngày 10/12/2020 đưa thêm 30.000.000 đồng, tổng cộng 830.000.000 đồng. Còn 20.000.000 đồng, ông bà sẽ thanh toán cho ông B và bà C khi được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông bà đồng ý để cho ông B và bà C sử dụng cho đến khi nào cần thì lấy lại. Sau đó bà D liên hệ Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện M để được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất trên thì được thông báo thửa đất số 435, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.734,2m² đã bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”, lý do ông B, bà C nợ tiền bà Phùng Thị Ngọc A. Đối với thửa đất số 465, tờ bản đồ số 16, diện tích 373,4m² bà D đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay bà Đỗ Thị Hồng D yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 10799, quyền số 06 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Võ Minh Thiện ký ngày 26/11/2020 vì hợp đồng chuyển nhượng ngay tình, có quá trình diễn ra liên tục, hợp lệ, hợp pháp và đúng theo quy định của pháp luật đối với tài sản chuyển nhượng là thửa đất số 435, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.734,2m², tọa lạc tại xã L do ông Huỳnh Công B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Vị trí, diện tích thửa đất theo Bản trích đo thuộc khu D có diện tích là 1.708,8 m²). Trường hợp Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu, thì yêu cầu ông B và bà C phải trả cho bà số tiền vay 800.000.000 đồng,

không yêu cầu tính lãi.

Ông Đặng Tấn E đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà D và ông B, bà C cho bà Đỗ Thị Hồng D, để bà D được quyền sử dụng đất đối với thửa đất 435. Trường hợp Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu, thì ông đề nghị Tòa án buộc ông B và bà C phải trả cho bà D số tiền vay 800.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 52/2022/DS-ST ngày 09-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Long An đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 157, 158, 165, 166, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, 123, khoản 2 Điều 124, 131, 288, 298, 307, 308, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Ngọc A đối với ông Huỳnh Công B và bà Trần Thị Phương C về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Huỳnh Công B và bà Trần Thị Phương C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phùng Thị Ngọc A số tiền vay 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị Hồng D.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 10799, quyền số 06 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Võ Minh Thiện ký ngày 26/11/2020 giữa bà Đỗ Thị Hồng D và ông Huỳnh Công B, bà Trần Thị Phương C đối với tài sản chuyển nhượng là thửa đất số 435, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.734,2m², tọa lạc tại xã L do ông Huỳnh Công B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vô hiệu.

Buộc ông Huỳnh Công B và bà Trần Thị Phương C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đỗ Thị Hồng D số tiền vay 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Khi Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản của ông Huỳnh Công B và bà Trần Thị Phương C để thi hành án, bà Đỗ Thị Hồng D được ưu tiên thanh toán số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng).

5. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 07/2020/QĐ-BPKCTT ngày 03/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Long An về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản để áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là 2.000.000 đồng, bà A tự nguyện chịu chi phí này (bà A đã nộp xong).

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản đối với tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 17.100.000 đồng, bà D phải chịu toàn bộ chi phí này (bà D đã nộp xong).

7. Về án phí:

Ông Huỳnh Công B và bà Trần Thị Phương C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 68.000.000 đồng.

Bà Phùng Thị Ngọc A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 16.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000624 ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M tỉnh Long An.

Bà Đỗ Thị Hồng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000868 ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Long An.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 09/8/2022, bà Đỗ Thị Hồng D và ông Đặng Tấn E kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Công B, bà Trần Thị Phương C với bà D, ông E; đồng thời yêu cầu hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Ngày 23, 24 tháng 8/2022, ông Huỳnh Công B, bà Trần Thị Phương C kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông B, bà C với bà Đỗ Thị Hồng D và ông Đặng Tấn E; yêu cầu hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và không công nhận giao dịch dân sự giữa ông B, bà C với bà Phùng Thị Ngọc A; chỉ đồng ý trả cho bà A số tiền 170.000.000 đồng; không đồng ý trả cho bà D, ông E số tiền 800.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không rút yêu cầu kháng cáo và các đương sự tranh luận như sau:

- Ông Trần Bá Thành là người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Công B và bà Trần Thị Phương C tranh luận: Ông Huỳnh Công B và bà Trần Thị Phương C có ký tên vào “Giấy mượn tiền” ngày 20/5/2020 nhưng không có nhận số tiền 700.000.000 đồng mà thực chất ông B, bà C chỉ thiếu bà Phùng Thị Ngọc A số tiền 170.000.000 đồng. Biết rằng về mặt pháp lý khi ký tên vào “Giấy mượn tiền” thì ông B, bà C phải chịu trách nhiệm nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình và lý sao cho ông B, bà C có điều kiện làm ăn sinh sống vì hiện tại bây giờ gia đình ông B, bà C rất khó khăn.

Vào ngày 08/5/2020, ông B, bà C có mượn của bà Đỗ Thị Hồng D và ông Đặng Tấn E số tiền 600.000.000 đồng; đồng thời có lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thuộc thửa số 435, 365, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã L, huyện M

cho bà D, ông E. Sau đó, ông B, bà C không tiền trả nên thỏa thuận chuyển nhượng 02 thửa đất trên cho bà D, ông E với giá 850.000.000 đồng và ký hợp đồng chuyển nhượng có công chứng ngày 26/11/2020, trong quá trình đăng bộ thì bị Tòa án cấp sơ thẩm ngăn chặn, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là không đúng. Vì Tòa án cấp sơ thẩm chỉ cho bà A nộp 50.000.000 đồng để thực hiện biện pháp bảo đảm là chưa bằng 20% giá trị tài sản yêu cầu phong tỏa; việc ông B, bà C thiếu bà A số tiền 700.000.000 đồng là giả; Tòa án cấp sơ thẩm có công văn gửi cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất để yêu cầu không cho chuyển dịch trước khi ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là không đúng; việc ông B, bà C chuyển nhượng cho bà D, ông E là hoàn toàn hợp pháp không nhằm trốn tránh nghĩa vụ hoặc tẩu tán tài sản. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng chuyển nhượng 02 thửa đất nêu trên giữa bà D, ông E với ông B, bà C; hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và không công nhận giao dịch giữa ông B, bà C với bà A về số tiền 700.000.000 đồng. Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 435, diện tích 1.734,2m² vô hiệu thì ông B, bà C đồng ý trả lại cho bà D, ông E số tiền 800.000.000 đồng cùng lãi suất theo quy định.

- Ông Huỳnh Công B và bà Trần Thị Phương C không bổ sung phần tranh luận của ông Trần Bá Thành.

- Ông Đặng Tấn E là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị Hồng D tranh luận: Ông và bà D là người trả nợ ngân hàng cho ông Huỳnh Công B và bà Trần Thị Phương C với số tiền 350.000.000 đồng vào ngày 08/5/2020. Cùng ngày 08/5/2020, ông, bà D và ông B, bà C xác lập hợp đồng thế chấp; theo đó ông B, bà C thế chấp cho ông, bà D 02 thửa đất số 435, 365, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã L, huyện M để vay số tiền 600.000.000 đồng. Vợ chồng ông đã đưa đủ 600.000.000 đồng cho vợ chồng ông B, bà C. Sau đó, ông B, bà C không trả lãi nhiều lần nên hai bên thống nhất rằng ông B, bà C chuyển nhượng cho vợ chồng 02 thửa đất với giá 850.000.000 đồng và lập hợp đồng chuyển nhượng công chứng ngày 26/11/2020. Vợ chồng đã giao cho ông B, bà C số tiền tổng cộng là 830.000.000 đồng. Trong quá trình đăng ký sang tên, vợ chồng ông mới được đứng tên thửa đất số 465, diện tích 373,4m², loại đất lúa, thửa đất còn lại bị ngăn chặn. Việc vợ chồng nhận thế chấp, nhận chuyển nhượng 02 thửa đất trên là ngay tình, hoàn toàn không biết ông B, bà C mắc nợ bà A; việc bà C, ông B vay của vợ chồng ông 600.000.000 đồng trước ngày bà A cho ông B, bà C vay. Vì vậy, ông đề nghị Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng chuyển nhượng giữa vợ chồng ông và vợ chồng ông B, bà C đối với thửa đất 435 nêu trên; hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng vô hiệu thì yêu cầu được thanh toán ưu tiên số tiền 600.000.000 đồng.

- Bà Đỗ Thị Hồng D không bổ sung phần tranh luận.

- Ông Trần Văn Cường là người đại diện cho bà Phùng Thị Ngọc A tranh luận: Trước phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không có tài liệu gì mới; bà A cho vợ chồng ông B, bà C vay số tiền 700.000.000 đồng là thật nên không thể không công nhận. Ông B, bà C không trả được nợ cho bà A và tiến hành bán tài sản là

nhằm tẩu tán tài sản nên bà A yêu cầu phong tỏa 02 thửa đất nêu trên là đúng. Việc xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông B, bà C với ông E, bà D diễn ra sau khi Tòa án thụ lý vụ án nên việc Tòa án phong tỏa không cho chuyển quyền là đúng, bà A không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà D, ông E, bà C, ông B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

Ngày 08/5/2020, ông B và bà C vay của bà D và ông E 500 triệu, trong đó 350 triệu trả nợ ngân hàng HD bank, còn 150 triệu đưa tiền mặt. Khi lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy đỏ) từ ngân hàng ra, các bên đến Văn phòng công chứng Lê Văn Hữu ký thế chấp 02 thửa đất 435 và 465. Trong quá trình ngồi chờ công chứng ông B và bà C có đề nghị cho vay thêm 100 triệu nên hợp đồng thế chấp ghi số tiền thế chấp là 600 triệu nhưng vì bà D và ông E không có tiền mặt đưa ngay nên các bên mới làm giấy tay thể hiện rõ số tiền giao nhận là 600 triệu gồm 500 triệu đưa ngày 8/5/2020 sau đó 16/5/2020 đưa tiếp 100 triệu bằng chuyển vào tài khoản của Huỳnh Thị Thảo My TK tại ngân hàng Viettinbank 106870951601. Tại phiên tòa bị đơn đồng ý nội dung chuyển tiền, hồ sơ có giấy tay cũng thể hiện rõ nội dung số tiền giao và thời gian hai lần giao (bút lục 58).

Ngày 20/5/2020, ông B và bà C vay của bà A số tiền 700 triệu đồng (có giấy tay), không công chứng, không ký thế chấp tài sản. Lời khai của nguyên đơn về nội dung vay và xem xét chứng cứ cho vay có những điểm không thống nhất. Nguyên đơn cho rằng cho vay 600 triệu đồng để đáo hạn ngân hàng nhưng chứng cứ thể hiện mục đích vay là để trả nợ ngân hàng. Nếu như trả nợ ngân hàng thì xem như số tiền cho vay “cụt vốn”, hơn nữa giấy tay cho vay để trả nợ mà hẹn hai tháng trả. Thông thường trong trường hợp này luôn là bị đơn sẽ hứa bán đất để trả nhưng nội dung giấy tay hoàn toàn không thể hiện. Với lời trình bày của bị đơn về việc bị lừa dối khi viết giấy nhưng không có căn cứ chứng minh nên án sơ thẩm buộc trả 700 triệu là phù hợp.

Ngày 09/10/2020 bà A khởi kiện và được Tòa án thụ lý giải quyết. Ngày 26/11/2020 người liên quan và bị đơn hủy hợp đồng thế chấp (bút lục 64) và ký hợp đồng chuyển nhượng (bút lục 57). Tại thời điểm này 600 triệu ngày 8/5/2020 tính lãi 6 tháng, đưa tiếp tiền để ra giá trị chuyển nhượng hai thửa đất là 850.000 đồng. Trong đó 30.000.000 đồng cho thửa đất lúa 465 diện tích 373,4m² (tại tòa người liên quan và bị đơn thống nhất không yêu cầu định giá lại).

Ngày 03/12/2020 Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với thửa đất 435.

Tại phiên toà phúc thẩm: Bà Đỗ Thị Hồng D và ông Đặng Tấn E cũng như ông Huỳnh Công B và bà Trần Thị Phương C yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo hướng công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà D và ông B, bà C đối với thửa đất 435; trong trường hợp không công nhận hợp đồng thì đề nghị xem xét được ưu tiên thanh toán số tiền 600 triệu mà ông, bà đã cho vợ chồng ông B vay để lấy giấy đỏ từ ngân hàng, có thực hiện hợp đồng thế chấp thửa 435, có công chứng chứng thực và sự việc xảy ra trước khi ông B và bà C vay tiền của bà A.

Nhận thấy việc bà Đỗ Thị Hồng D và ông Đặng Tấn E (người liên quan) cho ông Huỳnh Công B và bà Trần Thị Phương C (bị đơn) vay được bị đơn thừa nhận là xảy ra ngày 08/5/2020, bị đơn dùng tiền vay của người liên quan để trả nợ ngân hàng và nhận thêm tổng cộng 600 triệu là trước khi có vụ kiện của bà A đối với bị đơn. Tại phiên tòa bà Đỗ Thị Hồng D và ông Đặng Tấn E yêu cầu kháng cáo xem xét số tiền 600 triệu đồng người liên quan cho bị đơn vay là hai bên đồng ý thế chấp tài sản khi cho vay và hoàn toàn không có quyền lợi người thứ ba tại thời điểm cho vay. Còn bà A cho bị đơn vay 700 triệu đồng vào ngày 20/5/2020 thì tại thời điểm đó bị đơn đã thế chấp hai thửa đất cho người liên quan. Do đó, người liên quan yêu cầu xem xét ưu tiên 600 triệu đồng khi xử lý thửa đất 435 là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị xem xét sửa án phần này. Đối với phần 200 triệu đồng còn lại phía bà D và ông E đồng ý sẽ được giải quyết như trường hợp của bà A nên đề nghị ghi nhận vì phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo của ông Huỳnh Công B và bà Trần Thị Phương C và chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy:

Thứ nhất, về yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà D với ông B, bà C cho bà D, như phân tích kháng cáo của bà D và ông E thì không có cơ sở để chấp nhận mà chỉ có căn cứ chấp nhận ưu tiên thanh toán 600 triệu khi xử lý thửa đất 435 ở giai đoạn thi hành án. Riêng đối với yêu cầu huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời thửa đất 435 nhận thấy thửa đất này đang là đối tượng để đảm bảo thi hành án cho các bên nên không có căn cứ chấp nhận.

Thứ hai, về yêu cầu không công nhận giao dịch dân sự giữa bà A và ông B, bà C. Ông B, bà C đồng ý trả lại cho bà A số tiền 170.000.000 đồng. Đối với yêu cầu này của ông B và bà C nhận thấy giấy cho mượn tiền mà nguyên đơn bà A khởi kiện bị đơn đã thừa nhận chữ ký, lý do mà bị đơn ký tên vào giấy mượn tiền đã không được nguyên đơn chấp nhận. Bị đơn kháng cáo không cung cấp chứng cứ gì mới nên không chấp nhận phần này. Ngoài ra bị đơn còn kháng cáo không đồng ý với án phí trả cho bà D số tiền 800.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết có căn cứ xác định bị đơn còn nợ bà D 800 triệu đồng nên nghĩa vụ chịu án phí trả nợ là theo quy định của pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đỗ Thị Hồng D và ông Đặng Tấn E; ông Huỳnh Công B và bà Trần Thị Phương

C. Áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cải sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1 Ông Huỳnh Công B, bà Trần Thị Phương C, bà Đỗ Thị Hồng D và ông Đặng Tấn E kháng cáo trong thời hạn luật định là hợp lệ, đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Ông Huỳnh Công B, bà Trần Thị Phương C cư trú tại huyện M, tỉnh Long An và đất tọa lạc tại huyện M, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, vợ chồng ông Huỳnh Công B, bà Trần Thị Phương C đều thừa nhận có ký tên vào “Giấy mượn tiền” ngày 20/5/2020 thể hiện có vay của bà Phùng Thị Ngọc A số tiền 700.000.000 đồng nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà A. Ông B và bà C cho rằng bị bà A ép buộc ký “Giấy mượn tiền” ngày 20/5/2020 nên không có nhận số tiền 700.000.000 đồng nhưng không có tài liệu nào chứng minh có sự ép buộc. Vì vậy, ông B và bà C có trách nhiệm trả cho bà A số tiền 700.000.000 đồng theo Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, ông B và bà C kháng cáo không đồng ý trả cho bà A số tiền 700.000.000 đồng mà chỉ đồng ý trả số tiền 170.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Theo hồ sơ thể hiện và vợ chồng ông B, bà C cùng vợ chồng ông E, bà D khai thống nhất tại phiên tòa rằng, vợ chồng ông E, bà D cho vợ chồng ông B, bà C vay số tiền 600.000.000 đồng vào ngày 08/5/2020 có xác lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng Lê Văn Hữu chứng nhận số 3623, quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/5/2020 đối với 02 thửa đất số 465, diện tích 373,4m², thửa số 435, diện tích 1.734,2m², cùng tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã L, huyện M, tỉnh Long An.

Đến ngày 26/11/2020, vợ chồng ông B, bà C và vợ chồng ông E, bà D thống nhất xác lập hợp đồng hủy bỏ hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên được Văn phòng công chứng Võ Minh Thiện chứng nhận số 10797, quyền số 06 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/11/2020. Đồng thời xác lập 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng Võ Minh Thiện chứng nhận số 10799 và số 10798, quyền số 06 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/11/2020 đối với 02 thửa đất nêu trên.

Như vậy, việc vợ chồng ông B, bà C chuyển nhượng 02 thửa đất nêu trên cho vợ chồng ông E, bà D khi còn nợ bà Phùng Thị Ngọc A số tiền 700.000.000 đồng và ngoài 02 thửa đất nêu trên vợ chồng ông B, bà C không còn tài sản nào khác để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà A là có dấu hiệu của tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của

các bên đương sự, cần tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 435, diện tích 1.734,2m² nêu trên. Trên cơ sở đó, xét thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2020/QĐ-BPKCTT ngày 03/12/2020 là đúng quy định.

Đối với thửa đất số 465, diện tích 373,4m² nêu trên hiện tại đã sang tên cho vợ chồng ông E, bà D và không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phùng Thị Ngọc A và người đại diện là ông Trần Văn Cường đều khẳng định cho vợ chồng ông B, bà C vay số tiền 700.000.000 đồng vào ngày 20/5/2020 (trước đó không có quan hệ vay tài sản). Do đó, ông B, bà C xác lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng Lê Văn Hữu chứng nhận số 3623 nêu trên để vay của vợ chồng ông E, bà D là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyên tắc xác lập giao dịch dân sự được Bộ luật dân sự quy định và vào thời điểm 08/5/2020 chưa phát sinh nghĩa vụ nợ của ông B, bà C đối với bà A. Vì vậy, việc vợ chồng ông E, bà D cho vợ chồng ông B, bà C vay số tiền 600.000.000 đồng là phù hợp với pháp luật và ngay tình nên cần được ưu tiên thanh toán trong quá trình phát mãi thửa đất số 435 nêu trên để thi hành án.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, vợ chồng ông B, bà C và vợ chồng ông E, bà D thống nhất không yêu cầu Tòa án tiến hành định giá lại 02 thửa đất nêu trên mà thống nhất rằng thửa đất số 435 giá 800.000.000 đồng, thửa đất số 435 giá 30.000.000 đồng. Bên cạnh đó, vợ chồng ông B, bà C cũng đồng trả lại cho vợ chồng ông E, bà D số tiền 800.000.000 đồng cùng lãi suất theo quy định (1%/tháng) từ ngày 26/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (09/8/2022), trong trường hợp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 435 vô hiệu. Từ sự thống nhất của đương sự và những căn cứ phân tích nêu trên, cần buộc vợ chồng ông B, bà C trả cho vợ chồng ông E, bà D số tiền gốc 800.000.000 đồng và 163.440.000 đồng (800.000.000 đồng x 1%/tháng x 20 tháng 13 ngày), tổng cộng là 963.440.000 đồng, trong đó được ưu tiên thanh toán 600.000.000 đồng như phân tích trên.

Từ đó, kháng cáo của ông Huỳnh Công B, bà Trần Thị Phương C là không có cơ sở chấp nhận; kháng cáo của ông Đặng Tấn E, bà Đỗ Thị Hồng D là có cơ sở chấp nhận một phần; lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu theo Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Các khoản khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị sẽ có hiệu lực sau khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 293, 296 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Công B và bà Trần Thị Phương C.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đặng Tấn E, bà Đỗ Thị Hồng D.

Cải sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 52/2022/DS-ST ngày 09-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 148, 157, 158, 165, 166, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, 123, khoản 2 Điều 124, 131, 288, 298, 307, 308, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Ngọc A đối với ông Huỳnh Công B và bà Trần Thị Phương C về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Huỳnh Công B và bà Trần Thị Phương C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phùng Thị Ngọc A số tiền vay 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng).

[2] Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị Hồng D.

[2.1] Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng Võ Minh Thiện chứng nhận số 10799, quyền số 06 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/11/2020 giữa bà Đỗ Thị Hồng D và ông Huỳnh Công B, bà Trần Thị Phương C đối với thửa đất số 435, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.734,2m², tọa lạc tại xã L do ông Huỳnh Công B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vô hiệu.

[2.2] Buộc ông Huỳnh Công B và bà Trần Thị Phương C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đỗ Thị Hồng D số tiền vay 963.440.000 đồng (chín trăm sáu mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Khi Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản của ông Huỳnh Công B và bà Trần Thị Phương C để thi hành án, bà Đỗ Thị Hồng D, ông Đặng Tấn E được ưu tiên thanh toán số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

[4] Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 07/2020/QĐ-BPKCTT ngày 03/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Long An về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản để áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là 2.000.000 đồng, bà A tự nguyện chịu chi phí này (đã nộp xong).

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản đối với tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 17.100.000 đồng, buộc bà Đỗ Thị Hồng D phải chịu toàn bộ chi phí này (đã nộp xong).

[7] Về án phí sơ thẩm:

[7.1] Buộc ông Huỳnh Công B và bà Trần Thị Phương C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 72.890.000 đồng.

[7.2] Bà Phùng Thị Ngọc A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 16.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000624 ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M tỉnh Long An.

[7.3] Buộc bà Đỗ Thị Hồng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000868 ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Long An.

[8] Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

[8.1] Hoàn trả cho bà Trần Thị Phương C và ông Huỳnh Công B số tiền 600.000 đồng số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0008037, số 0008036 cùng ngày 23/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Long An.

[8.2] Hoàn trả cho ông Đặng Tấn E và bà Đỗ Thị Hồng D số tiền 600.000 đồng số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0008021, số 0008022 cùng ngày 09/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Long An.

[9] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh